

MIỀN NGUỒN HÀNH TRÌNH TRONG CÁC ẢN DỤ Ý NIỆM TRONG DIỄN NGÔN CHÍNH TRỊ TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG ANH MỸ

NGUYỄN XUÂN HỒNG*

Abstract: This article, relied on research achievements of English discourse analysis, aims to further elaborate the research direction of conceptual metaphors in Vietnamese and American English political discourse based on the source domain of JOURNEY. At the same time, it compares the typical conceptual metaphor expressions in political discourse of these two languages based on this source domain.

Key words: *political discourse, concept, conceptual metaphor, source domain, journey.*

1. Dẫn nhập

Với tư cách là một bộ phận của khoa học tri nhận nghiên cứu sự nhận thức và ý niệm hóa (conceptualization), phạm trù hóa (categorization) của con người về thế giới xung quanh, ngôn ngữ học tri nhận đã mở ra một hướng nghiên cứu đầy triển vọng và đề cập đến nhiều vấn đề liên quan đến trí não của con người, trong đó có ản dụ ý niệm (ADYN). ản dụ hình thành không phải xuất phát từ đặc trưng cố hữu của sự vật hiện tượng, lại càng không phải là đặc trưng của ngôn ngữ văn chương, mà là cách thức của tư duy. ản dụ là ánh xạ, chúng ta hiểu một miền ý niệm này thông qua một miền ý niệm khác.

ADYN có một ý nghĩa hết sức quan trọng trong nhận thức, trong việc hình thành các không gian tinh thần, kể cả trong việc học tập và rèn luyện trí nhớ. Về mặt biểu đạt, ản dụ liên quan mật thiết đến diễn ngôn chính trị (DNCT), bởi DNCT thường đề cập đến những vấn đề trừu tượng thông qua những cái cụ thể nhằm hướng đến chức năng tác động, tuyên truyền tạo ản tượng để người nghe, người đọc từ suy nghĩ, nhận thức biến thành những hành động cụ thể.

Bài viết nhằm mục đích khái quát việc triển khai ý niệm trong diễn ngôn chính trị tiếng Việt (DNCTTV) và diễn ngôn chính trị tiếng Anh Mỹ (DNCTTAM) dựa vào miền nguồn HÀNH TRÌNH, đồng thời tiến hành so sánh các biểu thức ADYN tiêu biểu trong DNCT của hai ngôn ngữ dựa vào miền nguồn này.

2. Cơ sở lí thuyết

Lí thuyết ADYN (conceptual metaphor theory) lần đầu tiên được đưa ra bởi Lakoff và Johnson trong công trình tiên phong của họ *Metaphors we live by* vào năm 1980. Lí thuyết ADYN được hình thành là do hệ thống ý niệm của chúng ta về cơ bản được tổ chức theo cơ chế ản dụ, cho nên những trải nghiệm, suy nghĩ và hành động hàng ngày của chúng ta phần lớn cũng bị ảnh hưởng bởi ản dụ.

* Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ADYN, cấu trúc của miền được cho sẵn (miền nguồn) được ánh xạ lên trên một cái khác (miền đích) dẫn đến kết quả được tường giải và được hiểu trong khuôn khổ những điều kiện đặt ra của miền nguồn. Miền nguồn cụ thể hơn miền đích. Thông qua miền nguồn để hiểu miền đích bằng thao tác ánh xạ. Ví dụ như: KNOWING IS HEARING (Biết có nghĩa là nghe thấy). Trong ADYN này, sự kiện *nghe thấy* được ánh xạ lên miền đích là *biết*. *Biết* nghĩa là *nghe thấy* và nhận thức được. Đối với *nhìn thấy* cũng tương tự. Chẳng hạn như: UNDERSTANDING IS SEEING (Hiểu có nghĩa là đã nhìn thấy). Trong ADYN này, miền nguồn là sự kiện *nhìn thấy* được ánh xạ lên miền đích là sự kiện *thấu hiểu*. Đối với các động từ còn lại: *ném thấy, ngửi thấy, cảm thấy...* thì cơ chế ẩn dụ cũng tương tự như vậy.

ADYN (conceptual metaphor) là một trong những hình thức ý niệm hóa, một quá trình tri nhận biểu hiện và hình thành những khái niệm mới. Về nguồn gốc, ADYN đáp ứng năng lực của con người là dựa vào ý niệm để tạo ra sự tương đồng, bao gồm tương đồng trải nghiệm và tương đồng tri giác giữa những cá thể và những lớp đối tượng khác nhau. Ẩn dụ là một cơ chế tri nhận, mà nhờ đó những tri giác liên tục, tương tự đã trải qua quá trình phạm trù hóa được đánh giá lại trong những ngữ cảnh mới.

Tóm lại, ADYN chủ yếu là cách thức tư duy, cách thức con người tương tác với thế giới. Bằng cách đó, con người tạo cho mình sự nhận thức mới. Bản chất của ADYN là ở sự ngữ nghĩa hóa và cảm nhận những hiện tượng cụ thể thông qua các hiện tượng trừu tượng. Cơ sở của ẩn dụ rất phức tạp, liên quan đến chủ thể tri nhận, đến những hiện tượng tự nhiên và xã hội khác nhau. Kinh nghiệm và văn hóa của cộng đồng diễn ngôn cũng có thể cung cấp nhiều tri thức và kích hoạt cho ẩn dụ. Sự liên kết bên trong hệ thống ngôn ngữ dẫn đến sự diễn giải và sự lựa chọn miền nguồn trong mối quan hệ với miền đích trong các ngôn ngữ là không giống nhau. Sự lựa chọn ẩn dụ và sự tách ra những ẩn dụ cơ bản trong một tập hợp các ẩn dụ trong các ngôn ngữ có thể thay đổi từ nền văn hóa này sang nền văn hóa khác.

Bài viết cũng vận dụng mối quan hệ giữa miền nguồn/miền đích để xem xét việc ý niệm hóa và phạm trù hóa trong hai ngôn ngữ dựa vào chủ thuyết của Kövecses [11, tr.67-68] gồm:

- (i) Nhiều miền ý niệm nguồn khác nhau được dùng để nhận thức một miền đích duy nhất;
- (ii) Một miền ý niệm nguồn duy nhất được dùng để nhận thức nhiều miền ý niệm đích khác nhau;
- (iii) Một tập hợp các ẩn dụ để tạo ra miền ý niệm đích là giống nhau trong hai ngôn ngữ, hai nền văn hóa nhưng việc ưu tiên sử dụng loại nào là không giống nhau;
- (iv) Một số ẩn dụ độc nhất với cả miền nguồn và miền đích độc nhất chỉ có trong một ngôn ngữ và nền văn hóa nào đó.

Ngữ liệu khảo sát của bài viết bao gồm:

- Ngữ liệu tiếng Anh: là các diễn văn nhậm chức của các Tổng thống Mỹ;
- Ngữ liệu tiếng Việt: các diễn văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh và một số nhà lãnh đạo Việt Nam. (Cụ thể xin xem mục Ngữ liệu khảo sát ở cuối bài).

3. Miền nguồn HÀNH TRÌNH trong diễn ngôn chính trị tiếng Việt

Kết quả khảo sát về DNCT của Hồ Chí Minh và các nhà lãnh đạo Việt Nam trong khối ngữ liệu thu thập được đã cho thấy Hồ Chí Minh và các nhà lãnh đạo Việt Nam thường hay sử dụng miền nguồn

HÀNH TRÌNH trong diễn ngôn của mình đề ý niệm hóa các vấn đề trừu tượng. Cụ thể, với quan niệm xem hoạt động chính trị như một con đường, Hồ Chí Minh sử dụng các ADYN với miền nguồn HÀNH TRÌNH có tính ước lệ cao nhằm mục đích giúp người nghe, người đọc dễ dàng tiếp nhận và nắm bắt thông điệp khi các DNCT có sử dụng ADYN này. Xét các ví dụ sau:

(1) *Phải có **đường lối** cách mạng đúng, có đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo đúng.* (1, Tập 2, tr.493)

(2) *Lý luận cách mạng không phải giáo điều, nó là **kim chỉ nam** cho hành động cách mạng.* (1, Tập 8, tr.496)

Hồ Chí Minh sử dụng miền nguồn HÀNH TRÌNH khi nhận định về cuộc đấu tranh chính trị của Nhân dân Việt Nam, đó là cuộc đấu tranh cách mạng trường kì, gian khổ và vô cùng anh dũng. Trong cuộc hành trình này, lí luận có vai trò rất quan trọng vì lí luận cách mạng đóng vai trò là kim chỉ nam soi sáng cho sự nghiệp cách mạng của Nhân dân Việt Nam. Phạm Văn Đồng cũng sử dụng miền nguồn trên trong các DNCT của mình khi nói về các chính sách trong liên hệ với đường lối của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

(3) *Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa... theo đuổi một **chính sách** hòa bình và thân thiện với tất cả các nước, đặc biệt là với nước Pháp.* (3, tr.368)

Miền nguồn đang đề cập đến cũng được Lê Duẩn sử dụng trong các DNCT của mình khi nói về việc nắm vững quy luật đổi mới quản lí kinh tế của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

(4) *Quá trình phát triển từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn [...], bao gồm những vấn đề thấu suốt **đường lối** cách mạng và **đường lối** phát triển kinh tế, [...], phát động phong trào cách mạng của quần chúng.* (2, tr.4)

Trường Chinh cũng sử dụng miền nguồn đang bàn đến trong các DNCT của mình khi nhấn mạnh đến tầm quan trọng của khối đại đoàn kết quốc tế.

(5) *Nhân tố quan trọng nhất là Đảng tiên phong và **đường lối** chính trị đúng đắn của Đảng.* (4, tr.5)

Các tư tưởng bên trên được xây dựng trên các biểu thức ngôn ngữ: *thể chế chính trị là một con đường, chính sách chính trị là một con đường* và xa hơn là các biểu thức ngôn ngữ: *lí thuyết chính trị là một vật thể, đường lối chính trị là một la bàn.*

Thực ra, Hồ Chí Minh và các nhà lãnh đạo Việt Nam xem hoạt động chính trị như một cuộc hành trình mà trong cuộc hành trình đó có đầy đủ các yếu tố như phương tiện di chuyển, cách thức di chuyển, phương hướng di chuyển, chặng đường di chuyển, đích đến, người điều khiển phương tiện di chuyển, lữ khách, bạn đồng hành, người dẫn đường, vật cản, v.v.

Từ đây, chúng ta rút ra được các ADYN: SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG LÀ MỘT CUỘC HÀNH TRÌNH, CHÍNH TRỊ LÀ MỘT CUỘC HÀNH TRÌNH. Trên thực tế, đấu tranh cách mạng là một quá trình gian khổ và lâu dài để đi đến thành công. Chính vì thế, lí luận cách mạng, chủ trương, chính sách, đường lối,... là các yếu tố và là những con đường dẫn dắt cách mạng Việt Nam đi đến thành công rực rỡ. Như vậy, có thể xác định quá trình hình thành các ADYN như SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG LÀ MỘT CUỘC HÀNH TRÌNH và CHÍNH TRỊ LÀ MỘT CUỘC HÀNH TRÌNH thông qua sơ đồ bên dưới:

(i) lũ khách —————> chính phủ

(ii) đường đi —————> hoạt động chính trị, hành động chính trị, sự kiện chính trị

(iii) điểm đến —————> mục tiêu, mục đích chính trị

(iv) biện pháp, giải pháp —————> các chính sách, quy định, đường lối, lí luận của chính phủ, chiến thuật, chiến lược

(v) vật cản —————> bất ổn chính trị, bạo động chính trị, xung đột chính trị

Những phân tích này tỏ ra rất phù hợp với hàng loạt từ ngữ đồng nghĩa hệ thống (systemic polysemy) (thuật ngữ mượn của Lakoff & Johnson) như: *đường lối (chính sách)*, *bước đi (hoạt động)*, *bước ngoặt (sự thay đổi lớn)*, *tiến lên (tiến về phía trước)*, *con đường thênh thang (thuận lợi)*, *con đường gập ghềnh (khó khăn)*, *một bước (bước đầu)*.

Ngoài ra, trong miền nguồn HÀNH TRÌNH, còn thấy xuất hiện thêm ADYN: SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG LÀ CON THUYỀN và dĩ nhiên hành trình đó được hình dung trên đường thủy. Cụ thể, Hồ Chí Minh sử dụng miền nguồn này trong các DNCT của mình khi nói về sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam.

(6) Phải có Đảng cách mệnh, để **trong** thì vận động và tổ chức dân chúng, **ngoài** thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như **người cầm lái** có vững **thuyền** mới chạy. [...]. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, **tàu** không có bàn chỉ nam. (1, Tập 2, tr.268)

(7) Vì yêu mến và tin cậy tôi, mà đồng bào giao vận mệnh nước nhà, dân tộc cho tôi gánh vác. Phận sự tôi như một **người cầm lái**, phải **chèo chống** thế nào để đưa **chiếc thuyền** tổ quốc vượt khỏi những cơn sóng gió, mà an toàn đi đến bờ bến hạnh phúc của nhân dân. (1, Tập 4, tr.165)

Ý niệm hóa sự nghiệp cách mạng Việt Nam như con thuyền hay con tàu vượt ghềnh thác dưới sự chèo lái của Đảng trên con đường đến đích vinh quang được sử dụng khá phổ biến trong DNCTTV. Công bằng mà nói, đây là cách ý niệm hóa rất phổ biến trong nhiều ngôn ngữ, nhất là các ngôn ngữ ở phương Đông, nhưng trong tiếng Việt chúng xuất hiện đậm nét hơn. Điều này có thể lí giải được, người Việt thường xuyên tương tác với sông nước, dùng kinh nghiệm về sông nước để mở rộng và sáng tạo các ý niệm mới theo cách rất riêng. Điều này phù hợp với nhận định của tác giả Trịnh Sâm [6, tr. 7-8] trong bài viết *Miền ý niệm sông nước trong tri nhận của người Việt*.

Với một số ngữ liệu bên trên, có thể thấy, bên cạnh ADYN TÔ QUỐC LÀ MỘT CON TÀU có tính cách chi phối, chúng ta còn có hàng loạt các ADYN khác: ĐẢNG CỘNG SẢN LÀ CON NGƯỜI, LÃNH ĐẠO ĐẢNG LÀ NGƯỜI CẦM LÁI, ĐƯỜNG LỐI CHÍNH SÁCH LÀ CON THUYỀN, CHỦ NGHĨA (LÍ THUYẾT) LÀ KIM CHỈ NAM, SỨC MẠNH CỦA LÍ THUYẾT LÀ SỨC MẠNH CỦA VẬT THỂ. Đặc biệt, trong miền nguồn HÀNH TRÌNH, chúng ta còn thấy các ẩn dụ phức như: ĐƯỜNG LỐI CHÍNH TRỊ LÀ MỘT VẬT THỂ, SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG LÀ CON THUYỀN, CHÍNH KHÁCH LÀ NGƯỜI CẦM LÁI; LÍ THUYẾT CHÍNH TRỊ LÀ VẬT THỂ, LÍ THUYẾT CHÍNH TRỊ LÀ TRÍ KHÔN VÀ LÍ THUYẾT CHÍNH TRỊ LÀ LA BÀN.

4. Miền nguồn HÀNH TRÌNH trong diễn ngôn chính trị tiếng Anh Mỹ

Tương tự, với miền nguồn HÀNH TRÌNH trong DNCTTAM, ADYN POLITICS IS A JOURNEY (Chính trị là một hành trình) là ẩn dụ điển dạng, có tính chất chi phối và được các chính trị gia Mỹ sử dụng nhiều trong các DNCT của mình, điển hình là Tổng thống Barack Obama (2009).

(8) *This is the **journey** we continue today.* (Tạm dịch: Đây là cuộc **hành trình** mà chúng ta tiếp tục ngày hôm nay.) (17)

Với miền nguồn là HÀNH TRÌNH và miền đích là CHÍNH TRỊ, trong ngữ cảnh này, Obama muốn nhấn mạnh con đường chính trị là một hành trình không bao giờ kết thúc bởi vì chính phủ luôn phải tập trung giải quyết những vấn đề còn tồn tại và sẽ nảy sinh trong quá trình phát triển của nước Mỹ. Với việc sử dụng ADYN POLITICS IS A JOURNEY, Obama muốn thuyết phục người dân Mỹ rằng chính trị là một hành trình dài và gian nan, trong cuộc hành trình đó, chính trị gia không thể đi một mình, mà cần sự chung tay góp sức của toàn thể người dân Mỹ để cuộc hành trình có thể đi đến đích. Tổng thống George Walker Bush (2005) cũng sử dụng nhiều lần ADYN này.

(9) *Tonight, I will set out a better **path**: an agenda for a nation that competes with confidence.* (Tạm dịch: Tối nay tôi sẽ vạch ra **một con đường** tốt hơn: một chương trình nghị sự cho quốc gia để cạnh tranh một cách đầy tự tin.) (16)

(10) *Every **step** toward freedom in the world makes our country safer - so we will act boldly in freedom's cause.* (Tạm dịch: Mỗi **bước tiến** hướng tới tự do trên thế giới làm cho đất nước chúng ta an toàn hơn - vì vậy chúng ta sẽ hành động táo bạo vì tự do.) (16)

Bush hình dung hoạt động chính trị như là một cuộc hành trình với đầy đủ các thành tố tham gia như: *nhân tố tham gia cuộc hành trình (traveller), đường đi (path), các bước thực hiện (steps) và mục tiêu (goal)*. Trong cuộc hành trình này, hoạt động của các chính trị gia đều có định hướng và mục tiêu. Mục tiêu của hoạt động chính trị ví như đích đến của cuộc hành trình. Trong cuộc hành trình đó, nếu không có bản đồ chỉ dẫn, rất dễ bị lạc nên cần có một hoa tiêu, một người biết rõ đường đi đến đích.

Trong miền nguồn HÀNH TRÌNH, còn thấy xuất hiện thêm ADYN AMERICA OR AMERICAN PEOPLE ARE TRAVELLERS (Nước Mỹ hoặc người Mỹ là những lữ khách). Trong đó, miền nguồn LỮ KHÁCH (TRAVELLERS) được ánh xạ đến miền đích NGƯỜI MỸ (AMERICAN PEOPLE) hay NƯỚC MỸ (AMERICA). ADYN này được tìm thấy trong DNCT của các chính trị gia Mỹ như Richard Nixon (1969), George Walker Bush (2005),...

(11) *Let us **go forward**, firm in our faith, steadfast in our purpose, cautious of the dangers.* (Tạm dịch: Chúng ta hãy **tiến lên**, vững vàng với đức tin, vững vàng với mục đích của chúng ta, thận trọng với những nguy hiểm.) (8)

(12) *Start on this **journey** of progress and justice and **America** will **walk** at your side.* (Tạm dịch: Bắt đầu trên **hành trình** tiến đến tiến bộ và công lí và **nước Mỹ** sẽ **bước đi** cùng bạn.) (16)

Có thể thấy, các chính trị gia nói trên sử dụng các ADYN: AMERICA ARE TRAVELLERS (Nước Mỹ là những lữ khách) (ví dụ 12) và AMERICAN PEOPLE ARE TRAVELLERS (Người Mỹ là những lữ khách) (ví dụ 11) nhằm mục đích kêu gọi người dân Mỹ tham gia tích cực và kiên định trong cuộc hành trình đóng góp cho sự phát triển của đất nước. *Nước Mỹ phải tiến lên (go forward), phải tiếp tục (go on), tiếp*

tục cho đến ngày hôm nay (*continue today*), không được dừng bước (*not let the journey end*) và nước Mỹ luôn luôn đồng hành cùng bạn (*walk at your side*) là những khẩu hiệu mà các chính trị gia Mỹ thường sử dụng nhằm khích lệ người dân Mỹ tham gia vào cuộc hành trình chính trị cùng với họ. Bên cạnh đó, ví dụ 12 còn cung cấp một ẩn dụ rất thú vị, liên quan đến mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội trong cộng đồng Mỹ: LIFE IS A JOURNEY (Đời người là một cuộc hành trình). Đây là một ẩn dụ mang tính phổ quát, nhưng lại có tính cách sáng tạo bởi hành trình đời người cuối cùng rồi cũng phải kết thúc nhưng hành trình của nước Mỹ mãi mãi sẽ tiến lên. Từ các ví dụ bên trên, có thể thấy rằng các tổng thống Mỹ thường sử dụng ADYN xuất phát từ miền nguồn HÀNH TRÌNH nhằm thúc đẩy người dân Mỹ cùng nhau tiến lên, qua đó, hình thành ý thức hệ của họ rằng sự đoàn kết và thống nhất là vô cùng quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của nước Mỹ. Dĩ nhiên, trong bất kì con đường chính trị nào, ngoài nhân tố tham gia cuộc hành trình, không thể không nhắc đến mục đích của hành trình và những khó khăn thách thức gặp phải trong suốt cuộc hành trình đó. Xét các ví dụ trong diễn văn nhậm chức của Tổng thống Ronald Reagan (1985) và Richard Nixon (1969) khi đề cập đến những khó khăn thách thức phải đối mặt trong suốt cuộc hành trình chính trị như sau:

(13) *Let us resolve there will be **no turning back or hesitation** on the **road** to an America rich in dignity and abundant with opportunity for all our citizens.* (Tạm dịch: **Chúng ta quyết tâm sẽ không quay lại hoặc do dự trên con đường** tiến tới một nước Mỹ giàu phẩm giá và nhiều cơ hội dành cho tất cả công dân của chúng ta.) (11)

(14) *Let us accept that high responsibility not as a **burden**, but gladly - gladly because the chance to build such a peace is the noblest.* (Tạm dịch: **Chúng ta hãy chấp nhận rằng trách nhiệm cao không phải là gánh nặng, mà là niềm vui - vui vì cơ hội xây dựng một nền hòa bình như vậy là cao quý nhất.**) (8)

Ở đây, ta thấy có các ADYN: DIFFICULTIES ARE BARRIERS (Khó khăn là rào cản trên cuộc hành trình) và DIFFICULTIES ARE BURDENS (Khó khăn là gánh nặng trên cuộc hành trình).

Việc sử dụng các biểu thức ADYN khác nhau sẽ dẫn đến các hiệu ứng khác nhau. Chẳng hạn, Ronald Reagan khẳng định mình sẽ không quay đầu lại hoặc do dự trên con đường chính trị nhằm khuyến khích người dân Mỹ dũng cảm đối đầu với thử thách. Ông muốn thúc đẩy người dân Mỹ kiên quyết theo đuổi con đường mình đã chọn để đi đến đích (ví dụ 13). Đôi khi trọng trách cao thì áp lực lớn nhưng nó không phải là gánh nặng, mà nó là niềm vui như cách ý niệm của Richard Nixon (ví dụ 14). Mặc dù khó khăn và thử thách là không thể tránh khỏi trong cuộc hành trình, việc sử dụng ADYN luôn mang đến một định hướng tích cực nhằm giúp người dân Mỹ tiến về phía trước. Chúng ta thấy tầm quan trọng của việc gánh vác trọng trách, đồng thời khiến họ tin rằng một tương lai tươi sáng đang chờ họ ở phía trước. Qua đó, có thể giúp họ tiến những bước lớn về phía trước, không sợ những gì đang diễn ra phía trước, hình thành trong họ lòng dũng cảm, không sợ gánh trách nhiệm mà sẵn sàng đối đầu với khó khăn, thử thách. ADYN SOCIAL GOALS ARE DESTINATIONS (Mục tiêu xã hội là đích đến) cũng được các chính trị gia Mỹ sử dụng trong các DNCT của mình. Xét các ví dụ sau:

(15) *Fellow citizens, let us build that America, a nation ever **moving forward toward realizing the full potential of all its citizens.*** (Tạm dịch: **Các công dân, chúng ta hãy xây dựng nước Mỹ, một quốc gia không ngừng tiến về phía trước để nhận ra tiềm năng của tất cả người dân.**) (14)

(16) *In a world **moving toward liberty**, we are determined to show the meaning and promise of liberty.* (Tạm dịch: *Trong một thế giới **hướng tới tự do**, chúng ta quyết tâm thể hiện ý nghĩa và lời hứa tự do.*) (16)

Các mục tiêu xã hội (social goals) do chính phủ đặt ra thường là đích đến (destinations) của cuộc hành trình. Điều này có nghĩa miền nguồn ĐÍCH ĐẾN (destinations) được liên tưởng đến các MỤC TIÊU XÃ HỘI (social goals). Những mục tiêu này có thể ngắn hạn, dài hạn nhưng đích đến cuối cùng là dân chủ, tự do, hòa bình và thịnh vượng. Thông qua việc sử dụng ADYN SOCIAL GOALS ARE DESTINATIONS (Mục tiêu xã hội là đích đến) trong DNCT, các tổng thống Mỹ nói trên, giúp người dân Mỹ hiểu rằng các mục tiêu mà họ đang theo đuổi là rất có ý nghĩa.

Có thể nhận xét rằng, hầu hết tổng thống Mỹ đều sử dụng ADYN này nhằm mục đích làm cho người dân Mỹ tin rằng những nỗ lực của họ sẽ không vô ích, bởi vì cả thế giới, nước Mỹ và người dân Mỹ đều cùng nhau tiến tới mục tiêu chung và mục tiêu cuối cùng của họ. Có thể nói, đây là một cách biểu đạt hiệu quả để khuyến khích và động viên những người thực sự làm việc chăm chỉ, bởi vì họ sẽ quên đi khó khăn và gian khổ khi họ biết rằng một tương lai tươi sáng đang chờ đợi họ phía trước.

5. Một vài so sánh

Qua các ví dụ về ADYN trong DNCTTV và DNCTTAM nêu trên, có thể nói miền nguồn HÀNH TRÌNH, tùy theo nhu cầu lập thức, được ánh xạ lên nhiều miền đích khác nhau. Như vậy, đối với miền nguồn này, theo lí giải của Zoltán Kövecses [11, tr.67-68] nằm vào mô hình thứ 2, tức là một miền nguồn có thể phóng chiếu lên nhiều miền đích khác nhau. Điều này có thể giải thích được, bởi vì theo tri nhận luận, tri nhận không gian, tri nhận vị trí là kiểu tri nhận quan trọng, mà theo các nhà tâm lí học tri nhận thì trẻ con thụ đắc rất sớm và tùy theo lứa tuổi, chúng có thể mở rộng hoặc thu hẹp ngoại diên của ý niệm. Hiển nhiên, chính tri nhận không gian cũng sẽ chuyển nghĩa thành tri nhận thời gian. Hơn thế nữa, một số phạm trù cơ bản nhất của con người như là nhận thức, vận động thường xuất hiện dưới dạng các quá trình, trong đó sự cảm nhận và diễn giải của chủ thể giao tiếp có tính chất quan yếu (relevance).

Một vài kết quả so sánh ban đầu về ADYN trong DNCTTV và DNCTTAM dựa vào miền nguồn HÀNH TRÌNH bên dưới sẽ cho thấy tính đa dạng về những đặc trưng trong miền nguồn và sự chọn lọc để phóng chiếu lên miền đích.

5.1. CHÍNH TRỊ LÀ MỘT CUỘC HÀNH TRÌNH

(17) *Our **journey** is not complete until all our children know that they are cared for, and cherished, and always safe from harm.* (Tạm dịch: ***Hành trình** của chúng ta không trọn vẹn cho đến khi tất cả con em của chúng ta biết rằng chúng được chăm sóc, và nâng niu, và luôn an toàn khỏi bị tổn hại.*) (18)

(18) *Cách mạng Tháng Mười đã thức tỉnh giai cấp công nhân và toàn thể nhân dân bị áp bức, soi sáng **con đường** cho các dân tộc bị nô dịch đi tới cách mạng giải phóng và tiến lên chủ nghĩa xã hội.* (1, Tập 4)

Từ các ví dụ 17 và 18, trong DNCTTV cũng như DNCTTAM, tuy sự diễn đạt có thể khác nhau, đó có thể là *journey* (hành trình) trong tiếng Anh, hay *con đường*, *con đường cách mạng* trong tiếng Việt, nhưng tất cả đều có cách ý niệm hóa tương đồng. Đó là, lí thuyết chính trị, chủ trương chính trị, sự kiện chính trị, lí tưởng chính trị đều được ý niệm hóa dưới dạng thức là con đường, đường đi hay là hành trình.

5.2. ĐƯỜNG LỐI, CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH LÀ MỘT CON ĐƯỜNG

(19) *If we persevere in the career in which we have advanced so far and in the **path** already traced, we cannot fail to attain the high destiny which seems to await us.* (Tạm dịch: Nếu chúng ta kiên trì trong sự nghiệp mà chúng ta đã tiến lên từ trước cho đến nay và trên **con đường** đã vạch ra, chúng ta không thể không đạt được vận mệnh cao quý dường như đang chờ đợi chúng ta.) (7)

(20) *Phải có **đường lối** cách mạng đúng, có đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo đúng.* (1, Tập 11)

Các ví dụ ở trên, dù có nhắc đến con đường, đường đi như ví dụ 19 hoặc không nhắc đến nó như ví dụ 21, dù trực tiếp hay gián tiếp đều xuất phát từ miền nguồn HÀNH TRÌNH. Tuy nhiên, ADYN ĐƯỜNG LỐI, CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH LÀ MỘT CON ĐƯỜNG xuất hiện nhiều hơn và rõ nét hơn trong hệ thống DNCTTV so với hệ thống DNCTTAM.

5.2.1. CHIẾN LƯỢC CHÍNH TRỊ LÀ MỘT CON ĐƯỜNG XUYỀN SUỐT

(21) *Even after nearly 225 years, we have **a long way** yet to travel.* (Tạm dịch: Ngay cả sau gần 225 năm, chúng ta vẫn còn **một chặng đường dài** để đi.) (16)

(22) *Tình hình thế giới và trong nước đã biến đổi đòi hỏi chúng ta phải có những **đường lối**, phương châm, phương pháp đấu tranh cho thích hợp; ...* (1, Tập 8)

Trong các ví dụ 21 và 22, ngoại trừ một vài khác biệt có tính cách chi tiết là *con đường chính trị luôn luôn hướng về phía trước, chính khách không được quay đầu hay đầu hàng với khó khăn, chướng ngại*, cách kiến tạo chính trị là *một con đường dài, chính trị là một hành trình dài* đều thấy xuất hiện trong cả hai hệ thống DNCTTV và DNCTTAM. Cần ghi nhận thêm, dù trực tiếp hay gián tiếp, tường minh hay hàm ẩn, điều mà người nghe, người đọc có thể rút ra được, đó là ADYN ĐƯỜNG LỐI CHÍNH TRỊ LÀ MỘT VẬT THỂ.

5.2.2. CHIẾN THUẬT CHÍNH TRỊ LÀ ĐOẠN ĐƯỜNG CỤ THỂ

Tuy không thật đậm nét nhưng ý niệm hành trình chính trị là một con đường dài đầy khó khăn gian khổ, trong đó những chủ trương chính trị ngắn hạn là những đoạn đường cụ thể đều xuất hiện trong DNCTTV và DNCTTAM.

(23) *In reaffirming the greatness of our nation, we understand that greatness is never a given. It must be earned. Our **journey** has never been one of **shortcuts** or settling for less.* (Tạm dịch: Khi tái khẳng định sự vĩ đại của quốc gia chúng ta, chúng ta hiểu rằng sự vĩ đại không bao giờ là một điều gì đó tự nhiên. Nó phải được tìm kiếm. **Hành trình** của chúng ta chưa bao giờ là một trong những **lối tắt** hoặc đường ngắn hơn.) (17)

(24) *Cuộc đấu tranh chính trị hiện nay là một **đoạn đường** trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ của ta.* (1, Tập 8)

5.3. LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ LÀ MỘT VẬT THỂ HƯỚNG DẪN, ĐỊNH HƯỚNG

Đường lối chính trị thường xuất phát từ hệ thống lý thuyết. Tuy nhiên, vì lý thuyết nên thường rất trừu tượng, cho nên các chính trị gia phải dùng biểu tượng như ngôi sao (star) để soi đường dẫn lối trong các DNCTTAM và dùng biểu tượng như là kim chỉ nam, mặt trời để soi đường dẫn lối trong DNCTTV.

(25) *It (star) guided all those men and women, sung and unsung, who left footprints along this great Mall, to hear a preacher say that we cannot walk alone.* (Tạm dịch: Nó (ngôi sao) hướng dẫn tất cả những người đàn ông và phụ nữ, những người biết hát và không biết hát, những người để lại dấu chân dọc theo Khu mua sắm tuyệt vời này, để nghe một nhà thuyết giáo nói rằng chúng ta không thể đi một mình.) (27)

(26) Chủ nghĩa Lê-nin không những là cái “cầm nang” thần kì, không những là cái **kim chỉ nam**, mà còn là **mặt trời** soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi. (1, Tập 4)

5.4. MỤC ĐÍCH CỦA CHÍNH TRỊ LÀ ĐÍCH ĐẾN CỦA CUỘC HÀNH TRÌNH

Trong hai hệ thống DNCTTV và DNCTTAM, mục tiêu chính trị đạt được chính là đích phải đến của một cuộc hành trình, dù đó là đích khái quát hay cụ thể thông qua các phương tiện đường bộ, đường thủy hay đường hàng không. Các cách kiến tạo này sẽ được tìm thấy trong các ví dụ ở sau:

- Đích đến khái quát

(27) *We have known divisions, which must be healed to move forward in great purposes.* (Tạm dịch: Chúng ta đã biết các bộ phận phải được chữa lành để tiến về phía trước **hướng đến** các **mục đích lớn lao**.) (15)

(28) Tôi xin chắc chắn rằng các dân tộc ta, đã sẵn sàng có một tinh thần đấu tranh cao, lại **gắng đi tới một sự cộng tác chặt chẽ**, thì thắng lợi thế nào cũng về ta, và chúng ta nhất định sẽ giành được độc lập. (1, Tập 5)

- Đích đến từ đường bộ

(29) *We go forward with complete confidence in the eventual triumph of freedom. Not because history runs on the wheels of inevitability.* (Tạm dịch: Chúng ta **đi về phía trước** với sự tự tin hoàn toàn về chiến thắng cuối cùng của tự do. Không phải bởi vì lịch sử chạy trên các **bánh xe** của những điều không thể tránh khỏi.) (15)

(30) Khi còn sống, Người là Người cha, thầy học, đồng chí và cố vấn của chúng ta. Ngày nay, Người là ngôi sao sáng chỉ đường cho chúng ta **đi tới** cuộc cách mạng xã hội. (1, Tập 1)

- Đích đến từ đường thủy

(31) *I look with encouragement for that guidance and support which may enable us to steer with safety the vessel in which we are all embarked.* (Tạm dịch: Tôi tìm kiếm sự khuyến khích để hướng dẫn và hỗ trợ chúng tôi **điều khiển** an toàn **con tàu** mà tất cả chúng ta đã bắt đầu xuất phát cùng nhau.) (6)

(32) Phận sự tôi như một người cầm lái phải **chèo chống** thế nào để đưa **chiếc thuyền** tổ quốc vượt khỏi những cơn sóng gió mà an toàn đi đến **bờ bến** hạnh phúc cho nhân dân. (1, Tập 4)

6. Kết luận

Bài viết bước đầu đã khái quát được việc triển khai ý niệm trong DNCTTV và DNCTTAM dựa vào miền nguồn HÀNH TRÌNH, đồng thời so sánh các biểu thức ADYN tiêu biểu trong DNCT của hai ngôn ngữ dựa vào miền nguồn này. Theo ghi nhận của bài viết, miền nguồn HÀNH TRÌNH trong

DNCTTV và DNCTTAM được ánh xạ lên nhiều miền đích khác nhau. Điều này phù hợp với lí giải của Zoltán Kövecses [11, tr.67-68] về mối quan hệ giữa miền nguồn và miền đích rằng một miền nguồn có thể phóng chiếu lên nhiều miền đích khác nhau (mô hình thứ 2). Ngoài ra, cũng có không ít trường hợp, tuy có cùng chung miền đích chính trị, nhưng sự kiến tạo các ẩn dụ theo những tầng bậc trong hai hệ thống diễn ngôn lại khác nhau. Và bao trùm lên tất cả là, các ADYN càng khái quát thì tính chất tương đồng càng cao trong hai ngôn ngữ. Sự khác nhau thường xảy ra ở hệ thống ẩn dụ ngôn ngữ. Mặt khác, các ẩn dụ cơ bản (primary metaphor) được đúc kết từ những trải nghiệm trực tiếp cũng rất gần gũi nhau trong DNCTTV và DNCTTAM. Kết quả thu được từ bài biết cũng góp phần làm sáng tỏ một số đặc điểm DNCT của hai ngôn ngữ, nêu lên một vài gợi ý trong hướng tiếp cận vai trò của miền nguồn trong mối quan hệ với miền đích.

NGŨ LIỆU KHẢO SÁT

Tiếng Việt

1. Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 1-11, Nxb Chính trị quốc gia, 2004; 2. Bài phát biểu của đồng chí Lê Duẩn *Nắm vững quy luật, đổi mới quản lí kinh tế* tại Hội nghị lần thứ 6 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, khóa V, năm 1984, Tạp chí Quân đội Nhân dân, Số 336, 1984; 3. Bài phát biểu của đồng chí Phạm Văn Đồng *Sự nghiệp của nhân dân Việt Nam nhất định sẽ thành công*, Phạm Văn Đồng và Ngoại giao Việt Nam, 2006; 4. Bài phát biểu của đồng chí Trường Chinh tại Đại hội Thống nhất Việt Minh - Liên Việt vào tháng 03 năm 1951, Tạp chí Lịch sử Đảng, Số 11, 2005.

Tiếng Anh

5. Diễn văn nhậm chức của Tổng thống Thomas Jefferson, năm 1801, Avalon Project, Documents in Law, History and Diplomacy, Lillian Goldman Law Library, Yale Law School; (http://avalon.law.yale.edu/subject_menus/inaug.asp); Last retrieved: March 01, 2022; 6. Diễn văn nhậm chức của Tổng thống Thomas Jefferson, năm 1805, Avalon Project, Documents in Law, History and Diplomacy, Lillian Goldman Law Library, Yale Law School; (http://avalon.law.yale.edu/subject_menus/inaug.asp); Last retrieved: March 01, 2022; 7. Diễn văn nhậm chức của Tổng thống James Monroe, năm 1821, Avalon Project, Documents in Law, History and Diplomacy, Lillian Goldman Law Library, Yale Law School; (http://avalon.law.yale.edu/subject_menus/inaug.asp); Last retrieved: March 01, 2022; 8. Diễn văn nhậm chức của Tổng thống Richard Milhous Nixon, năm 1969, Avalon Project, Documents in Law, History and Diplomacy, Lillian Goldman Law Library, Yale Law School; (http://avalon.law.yale.edu/subject_menus/inaug.asp); Last retrieved: March 01, 2022; 9. Diễn văn nhậm chức của Tổng thống Richard Milhous Nixon, năm 1973, Avalon Project, Documents in Law, History and Diplomacy, Lillian Goldman Law Library, Yale Law School; (http://avalon.law.yale.edu/subject_menus/inaug.asp); Last retrieved: March 01, 2022; 10. Diễn văn nhậm chức của Tổng thống Ronald Reagan, năm 1981, Avalon Project, Documents in Law, History and Diplomacy, Lillian Goldman Law Library, Yale Law School; (http://avalon.law.yale.edu/subject_menus/inaug.asp); Last retrieved: March 01, 2022; 11. Diễn văn nhậm chức của Tổng thống Ronald Reagan, năm 1985, Avalon Project, Documents in Law, History and Diplomacy, Lillian Goldman Law Library, Yale Law School; (http://avalon.law.yale.edu/subject_menus/inaug.asp); Last retrieved: March 01, 2022; 12. Diễn văn nhậm chức của Tổng thống George Herbert Walker Bush, năm 1989, Avalon Project, Documents in Law, History and Diplomacy, Lillian Goldman Law Library, Yale Law School; (http://avalon.law.yale.edu/subject_menus/inaug.asp); Last retrieved: March 01, 2022; 13. Diễn văn nhậm chức của Tổng thống William Bill Clinton, năm 1993, Avalon Project, Documents in Law, History and Diplomacy, Lillian Goldman Law Library, Yale Law School; (http://avalon.law.yale.edu/subject_menus/inaug.asp); Last retrieved: March 01, 2022; 14. Diễn văn nhậm chức của Tổng thống William Bill Clinton, năm 1997, Avalon Project, Documents in Law, History and

Diplomacy, Lillian Goldman Law Library, Yale Law School; (http://avalon.law.yale.edu/subject_menus/inaug.asp); Last retrieved: March 01, 2022; **15.** Diễn văn nhậm chức của Tổng thống George Walker Bush, năm 2001, Avalon Project, Documents in Law, History and Diplomacy, Lillian Goldman Law Library, Yale Law School; (http://avalon.law.yale.edu/subject_menus/inaug.asp); Last retrieved: March 01, 2022; **16.** Diễn văn nhậm chức của Tổng thống George Walker Bush, năm 2005, Avalon Project, Documents in Law, History and Diplomacy, Lillian Goldman Law Library, Yale Law School; (http://avalon.law.yale.edu/subject_menus/inaug.asp); Last retrieved: March 01, 2022; **17.** Diễn văn nhậm chức của Tổng thống Barack Obama, năm 2009, Avalon Project, Documents in Law, History and Diplomacy, Lillian Goldman Law Library, Yale Law School; (http://avalon.law.yale.edu/subject_menus/inaug.asp); Last retrieved: March 01, 2022; **18.** Diễn văn nhậm chức của Tổng thống Barack Obama, năm 2013. Avalon Project, Documents in Law, History and Diplomacy, Lillian Goldman Law Library, Yale Law School; (http://avalon.law.yale.edu/subject_menus/inaug.asp); Last retrieved: March 01, 2022.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Văn Hiệp, Nguyễn Hoàng An (dịch), *Dẫn luận Ngôn ngữ học tri nhận*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016.
2. Nguyễn Xuân Hồng, *Về một hướng nghiên cứu diễn ngôn chính trị tiếng Việt*, Tạp chí khoa học Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Số 14 (5), tr.77-83, 2017.
3. Nguyễn Xuân Hồng, *Ấn dụ ý niệm trong diễn ngôn chính trị tiếng Việt và tiếng Anh*, Kì yếu Hội thảo quốc tế *Những vấn đề ngôn ngữ học ở Việt Nam và Đông Nam Á*, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2019, tr.490-507, 2018.
4. Nguyễn Xuân Hồng, *Về một số miền ý niệm nguồn trong diễn ngôn chính trị tiếng Việt*, Ngôn ngữ & Đời sống, Số 8(288), tr.27-31, 2019.
5. Nguyễn Xuân Hồng, *Về một số miền nguồn phổ biến trong diễn ngôn chính trị tiếng Anh Mỹ*, Tạp chí khoa học Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Tập 17, Số 1, tr.101-106, 2020.
6. Trịnh Sâm, *Miền ý niệm sông nước trong tri nhận của người Việt*, Ngôn ngữ, Số 12 (271), tr. 01-15, 2011.
7. Trịnh Sâm, *Phong cách ngôn ngữ của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhìn từ góc độ ngôn ngữ học tri nhận*, Ngôn ngữ và Đời sống, Số 1+2 (207+208), tr.2-7, 2013.
8. Trịnh Sâm, *Ấn dụ ý niệm và những vấn đề còn lại*, Ngôn ngữ và Đời sống, Số 12 (254), tr.1-5, 2016.
9. Trịnh Sâm, *Cognitive models and culture interaction in Thomas Engelbert (Editor)*, Vietnamese studies in Vietnam and Germany, New Contributions to Vietnamese linguistics, publikationen Der, Hambufer Vietnamistic, p.207-30, 2019.

Tiếng Anh

10. Lakoff, G. & Johnson, M., *Metaphors we live by*, The University of Chicago, Press, 1989, 2003.
11. Kövecses, Z., *Metaphor in culture universality and variation*, Cambridge University Press, 2005.
12. Van Dijk T.A., *What is political discourse analysis?*, Belgian Journal of Linguistics, Vol 11, p.11-52, 1997.